

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

Về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Bình**

Ông **Ngô Văn Sỹ**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Võ Phước Khánh Toàn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa do dịch bệnh Covid-19 số 89/TB-TA ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Hồng Thị T** - sinh năm 1975; Địa chỉ: K86 H8/16 N , tổ 114, phường H , quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Ông **Võ Văn C** - sinh năm 1970; Địa chỉ: K86 H8/16 N , tổ 114, phường H , quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà **Hồng Thị T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông **Võ Văn C** xây dựng gia đình vào năm 1991 nhưng đến ngày 25/4/2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C

đánh đập tôi nhiều lần, tôi cố gắng chịu đựng vì các con. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Tôi và ông Võ Văn C có 03 con chung: Võ Văn H1 - sinh ngày 09/3/1992, Võ Thị H2 - sinh ngày 21/8/1997 và Võ Thị Mỹ N1 - sinh ngày 22/3/2005.

Ly hôn, tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Mỹ N1 đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, tôi yêu cầu ông Võ Văn C cấp dưỡng nuôi con chung Võ Thị Mỹ N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) đến khi đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay tôi không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung Võ Thị Mỹ N1.

Riêng 02 con chung Võ Văn H1 và Võ Thị H2 đã thành niên nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và ông Võ Văn C không có nợ chung.

\* Ông Võ Văn C trình bày tại hồ sơ:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Hồng Thị T xây dựng gia đình vào năm 1991 nhưng đến ngày 25/4/2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại, tôi có đánh bà T, tôi thấy mình sai, sẽ cố gắng sửa chữa và hứa không bao giờ đánh vợ nữa. Nay tôi xác định tình cảm vẫn còn thương yêu bà T nên xin đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Tôi và bà Hồng Thị T có 03 con chung như bà T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi đồng ý giao con Võ Thị Mỹ N1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Võ Thị Mỹ N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) đến khi đủ 18 tuổi.

Riêng 02 con chung Võ Văn H1 và Võ Thị H2 đã thành niên nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồng Thị T và bà Võ Văn C đăng ký kết hôn ngày 25/4/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 25/4/2003), hôn nhân tự nguyện. Qua xác minh thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông C có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C thường xuyên đánh đập bà T nhiều lần, được chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần nhưng ông C vẫn đánh bà T. Kết quả xác minh này cũng phù hợp với việc ông C thừa nhận ông có đánh bà T. Qua đó đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hồng Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của ông C.

- Về con chung: Bà Hồng Thị T xác nhận bà và ông Võ Văn C có 03 con chung: Võ Văn H1 - sinh ngày 09/3/1992, Võ Thị H2 - sinh ngày 21/8/1997 và Võ Thị Mỹ N1 - sinh ngày 22/3/2005.

Trước đó ông Võ Văn C đồng ý giao con chung Võ Thị Mỹ N1 cho bà Hồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, ông C không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung, cũng như không chứng minh được điều kiện nuôi con, trong khi cháu Võ Thị Mỹ N1 đã trên 16 tuổi và có lời khai xin được ở với mẹ nên cần giao cháu Võ Thị Mỹ N1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung Võ Thị Mỹ N1 do tại phiên tòa bà Hồng Thị T không yêu cầu.

Riêng 02 con chung Võ Văn H1 và Võ Thị H2 đã thành niên nên không đề cập.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Hồng Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hồng Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009230 ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Hồng Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của bà Hồng Thị T đối với ông Võ Văn C .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hồng Thị T được ly hôn ông Võ Văn C .

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung của bà Hồng Thị T và ông Võ Văn C là cháu Võ Thị Mỹ N1 - sinh ngày 22/3/2005 cho bà Hồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi

đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung Võ Thị Mỹ N1 .

Riêng 02 con chung Võ Văn H1 và Võ Thị H2 đã thành niên nên không đề cập.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Hồng Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hồng Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009230 ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Hồng Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### 3. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### Nơi nhận:

- Các đương sự;
  - VKSND Q. Liên Chiểu;
  - Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
  - UBND P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 25/4/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Xuân Hương**